TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 95/2024/QĐST-DS	*Trà Ôn, ngày 15 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 305/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956

Địa chỉ cư trú: ấp L, xã S, huyện O, tỉnh Vĩnh Long

Bị đơn: 1/ Ông Hồ Hoàng H, sinh năm 1954

2/ Bà Lê Thị L, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ cư trú: ấp L, xã S, huyện O, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Hồ Hoàng H và bà Lê Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền vốn, lãi tổng cộng là 57.055.000đ (Năm mươi bảy triệu không trăm năm mươi lăm ngàn đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án chưa trả xong số tiền còn nợ thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Là 1.426.375đ (một triệu bốn trăm hai mươi sáu ngàn ba trăm bảy mươi lăm đồng) nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bị đơn ông Hồ Hoàng H, bà Lê Thị L mỗi bên nộp ½ án phí là 713.188đ (bảy

trăm mười ba ngàn một trăm tám mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng ông T, ông H, bà L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho ông T, ông H, bà L theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện O;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Bá Phúc